TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2026/HS-ST
Ngày 17- 03 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hồng Ngoãn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tống Văn Chiên.

ông Chẻo Lao U.

Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Khuyên – Thư ký, Tòa án nhân dân Khu vực 3- Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lai Châu tham gia phiên tòa: ông Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3- Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo: **Lùng Thị D**; Tên gọi khác: không có tên gọi khác; sinh ngày 05/3/1985, tại: tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: bản S S A, xã D S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: nông dân; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Mông; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lùng A S (đã chết) và con bà Ma Thị Ch , sinh năm 1957; chồng Vừ A V , sinh năm 1980; con: bị cáo có 05 con; con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/10/2025 đến ngày 28/10/2025 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Phân trại tạm giam Phong Thổ, thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay; có mặt.

Người làm chứng: ông Vàng Văn D, sinh năm 1968; địa chỉ: bản N C , xã Ph Th , tỉnh Lai Châu; văng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: là ông Trần Văn Hùng, là Luật sư, ký hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu,c có mặt.

Người Phiên dịch cho bị cáo: anh Sùng A Ph , sinh năm 1998; địa chỉ: bản S S B, xã D S , tỉnh Lai Châu; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 21/10/2025, Lùng Thị D, sinh ngày 05/3/1985, trú tại bản S S A, xã D S, tỉnh Lai Châu đi xe ô tô khách đến xã Hua Bum, tỉnh Lai Châu tìm mua tam thất. Do không mua được tam thất, khoảng 11 giờ ngày 25/10/2025, D đi ra ngoài đường thuộc bản Pa Mu, xã Hua Bum đón xe ô tô khách thì gặp một người phụ nữ không rõ lai lịch. Qua trao đổi, D mua của người phụ nữ đó 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu đen giá 2.000.000 đồng, mục đích để sử dụng. Mua được Heroine, D cấu một cục để trên mảnh nilon

màu trắng để sử dụng bằng hình thức hít. Số Heroine còn thừa trên mảnh giấy bạc chưa sử dụng hết, D cho vào gói Heroine vừa mua được gói chung lại rồi lấy thêm 02 mảnh nilon màu đen gói bên ngoài. Sau đó, D cất giấu trong lòng bàn tay trái rồi đi xe ô tô khách về nhà. Khi đến ngã ba Mường So thuộc bản Nậm Cung, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, D xuống xe rồi thuê Vàng Văn D, sinh năm 1968, trú tại bản Nậm Cung, xã Phong Thổ chở xe mô tô về nhà. Quá trình đi cùng Dực, D không nói cho Dực biết việc đang cất giấu Heroine trên người. Hồi 18 giờ 00 phút cùng ngày, khi Vàng Văn D chở Lùng Thị D đi đến bản Khổng Lào, xã Khổng Lào thì bị Công an xã Khổng Lào, tỉnh Lai Châu dừng xe kiểm tra, bắt quả tang đối với D về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", vật chứng thu giữ của D là 01 gói Heroine.

Tại Kết luận giám định số 892 ngày 27/10/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: số chất bột, màu trắng thu giữ của Lùng Thị D có khối lượng 13,837 gam, là ma túy, loại: Heroine.

Tại bản Cáo trạng số: 105/CT-VKSKV3 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân khu vực 3- Lai Châu để xét xử bị cáo Lùng Thị D, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Lùng Thị D, phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lùng Thị D, từ 06 năm 09 tháng đến 07 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ; Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, thu nhập thấp và không làm việc trong các ngành nghề bị cấm hoạt động hoặc cấm đảm nhiệm nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Về vật chứng: áp dụng điểm a,c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu, tiêu huỷ: 13,593 gam Heroine gói lại bằng một mảnh giấy màu trắng, 01 phong bì màu trắng là phong bì niêm phong đã mở, 03 mảnh nilon màu đen, 01 mảnh nilon màu trắng. đây là những vật chứng của vụ án, là vật cấm tàng trữ, lưu hành và vật không có giá trị sử dụng; đối với 13,837 gam Heroine thu giữ của Lùng Thị D, Cơ quan điều tra đã trích 0,244 gam Heroine làm mẫu gửi giám định chất ma túy (không hoàn lại mẫu vật) sau giám định nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về án phí: căn cứ Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lùng Thị D, do bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo, sinh sống thuộc vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, bị cáo Lùng Thị D luôn thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, sinh sống tại

vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn có phần hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tại điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo làm nghề nông dân và thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội- đặc biệt khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử, miễn án phí hình sự cho bị cáo theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14; về vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm, nhất trí với luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân. Người bào chữa và Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37, Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều là hợp pháp. Người bào chữa đã thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 73 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, hành vi của bị cáo: tại phiên toà, bị cáo Lùng Thị D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã thu thập đúng trình tự, thủ tục tố tụng hình sự; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 18 giờ 00 phút ngày 25/10/2025, tại bản Khổng Lào, xã Khổng Lào, tỉnh Lai Châu, Lùng Thị D đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 13,837 gam, mục đích để sử dụng thì bị Công an xã Khổng Lào, tỉnh Lai Châu bắt quả tang.

Bị cáo Lùng Thị D là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến hình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn bất chấp coi thường pháp luật, bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân mình mà vẫn lao vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự, với lỗi cố ý trực tiếp.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, áp dụng điều khoản cũng như hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với nhân thân của bị cáo nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng, miễn án phí đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhân thân nên cần được chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa. Bị cáo Lùng Thị D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo làm nghề nông dân và thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a,c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu, tiêu huỷ: 13,593 gam Heroine gói lại bằng một mảnh giấy màu trắng, 01 phong bì màu trắng là phong bì niêm phong đã mở, 03 mảnh nilon màu đen, 01 mảnh nilon màu trắng. đây là những vật chứng của vụ án, là vật cấm tàng trữ, lưu hành và vật không có giá trị sử dụng; đối với 13,837 gam Heroine thu giữ của Lùng Thị D, Cơ quan điều tra đã trích 0,244 gam Heroine làm mẫu gửi giám định chất ma túy (không hoàn lại mẫu vật) sau giám định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lùng Thị D là người dân tộc thiểu số, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa bị

cáo có ý kiến xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[9] Về trách nhiệm của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú: Thông qua vụ án này, đề nghị cấp chính quyền địa phương các xã, phường, tỉnh Lai Châu cần nâng cao tuyên truyền, giải thích cho người dân có ý thức chấp hành tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tăng cường đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy và có các biện pháp giữ gìn trật tự an ninh trên địa bàn.

* Các vấn đề liên quan: Về nguồn gốc Heroine, Lùng Thị D khai mua của một người phụ nữ không rõ lai lịch, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Vàng Văn D là người điều khiển xe mô tô chở Lùng Thị D. Quá trình điều tra xác định Dực không biết việc D tàng trữ Heroine trên người nên không phạm tội. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả kiểm tra Lùng Thị D dương tính với ma túy trong nước tiểu, tuy nhiên D không thuộc một trong các trường hợp từ điểm a đến điểm d khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự nên không phạm tội "Sử dụng trái phép chất ma túy". Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đối với bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lùng Thị D, phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Lùng Thị D 06 (sáu) năm 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: tịch thu, tiêu huỷ: 13,593 gam Heroine, 01 phong bì màu trắng là phong bì niêm phong đã mở, 03 mảnh nilon màu đen, 01 mảnh nilon màu trắng. đây là những vật chứng của vụ án, là vật cấm tàng trữ, lưu hành và vật không có giá trị sử dụng.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản vào hồi 16 giờ 45 phút, ngày 10 /02 /2026 giữa Công an tỉnh Lai Châu và Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Lai Châu*).

4. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 3- Lai Châu;
- CQCSĐT CA tỉnh Lai Châu;
- CQTHAHS CA tỉnh Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3- Lai Châu;
- Phòng HSNV (PV06) CA tỉnh Lai Châu;
- Phân trại tạm giam Phong Thổ- CA tỉnh;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Ngoãn